

Bản án số: 42/2021/DS-PT
Ngày: 14-5-2021
*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hoàng Thành

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLPT-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2021/DS-PT, ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐ-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn V, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V: Ông Dương Phúc N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020).

* *Bị đơn:* Ông Văn Phước K (Văn Phước K ; 4 K), sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1962 (cùng có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người kháng cáo:* Ông Văn Phước K và bà Huỳnh Thị G là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

Năm 2016 nguyên đơn ông V có bán thức ăn gia súc (thức ăn heo) cho vợ chồng bị đơn K và G. Việc mua bán không làm hợp đồng cụ thể, chỉ ghi sổ theo dõi việc mua bán hàng. Ngày 29/8/2019 ông K có ký tên vào sổ mua bán, xác nhận ông K và bà G còn thiếu tiền mua thức ăn gia súc của ông V là 35.990.000đ. Sau đó ông V có đòi nhiều lần nhưng ông K và bà G chưa trả số tiền còn thiếu nêu trên.

Vì vậy, nguyên đơn ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn ông K và bà G có trách nhiệm liên đới phải trả số tiền mua thức ăn nuôi heo còn thiếu là 35.990.000đ và tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày 29/8/2019 theo mức lãi suất là 1,66%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Nguyên đơn ông V chỉ yêu cầu bị đơn ông K và bà G phải trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2021) với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là 01 năm 05 tháng x 0,83%/tháng x 35.900.000đ = 5.078.000đ (đã làm tròn số).

* *Bị đơn ông Văn Phước K và bà Huỳnh Thị G trình bày:*

Các bị đơn thừa nhận có mua thức ăn gia súc của Ông N đơn ông V và còn thiếu số tiền 35.990.000đ chưa trả. Do nuôi heo bị dịch bệnh nên không có khả năng trả cho ông V. Vì vậy, vợ chồng bị đơn yêu cầu được trả số tiền còn thiếu là 35.990.000đ thành nhiều lần, cụ thể mỗi năm trả 10.000.000đ, trả theo vụ lúa, mỗi vụ lúa trả 5.000.000đ. Đồng thời xin không phải trả tiền lãi vì kinh tế gia đình rất khó khăn.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2021, đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc yêu cầu ông Văn Phước K (Văn Phước K) và bà Huỳnh Thị G trả số tiền mua bán thức ăn gia súc.

Buộc ông Văn Phước K (Văn Phước K) và bà Huỳnh Thị G trả cho ông Phạm Văn V số tiền tổng cộng 41.086.000đ (*Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 35.990.000đồng và tiền lãi suất là 5.078.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông V yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông K, bà G còn phải trả lãi cho ông V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/2/2021, bị đơn ông Văn Phước K và bà Huỳnh Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn, các bị đơn không đồng ý trả số tiền lãi là 5.078.000đồng, các bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đồng (một năm 02 vụ là 10.000.000đ) cho đến khi hết nợ và xin không phải chịu tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của các bị đơn không có căn cứ pháp luật; nguyên đơn không đồng ý bỏ lãi và cho trả chậm thành nhiều lần theo yêu cầu của các bị đơn; các bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh các bị đơn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề

ngợi của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn ông K và bà G là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung kháng cáo*: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông K và bà G vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể là: Yêu cầu cấp phúc thẩm không tính lãi theo án sơ thẩm với số tiền là 5.078.000đ và yêu cầu cho các bị đơn được trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đ cho đến khi hết số nợ 35.990.000đ và cho các bị đơn không phải chịu tiền án phí.

Xét kháng cáo của bị đơn ông K và bà G thì thấy rằng:

- Đối với kháng cáo yêu cầu không tính lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông K và bà G đều thừa nhận, từ ngày 29/8/2019 khi bị đơn K ký tên xác nhận còn thiếu tiền mua thức ăn gia súc của nguyên đơn ông V là 35.990.000đ đến nay chưa trả. Như vậy, các bị đơn thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu cho nguyên đơn ông V. Ông N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V không đồng ý bỏ tiền lãi theo yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “Nghĩa vụ trả tiền” như sau:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền” như sau:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “Lãi suất” như sau:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Vì vậy, theo các quy định đã được viện dẫn nêu trên. Bị đơn ông K và bà G phải có nghĩa vụ phải trả tiền lãi cho nguyên đơn ông V, theo án sơ thẩm đã tuyên là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của các bị đơn ông K và bà G về tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu xin trả chậm thành nhiều lần: Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu và nguyên đơn không đồng ý cho các bị đơn trả chậm một năm là 10.000.000đ, mỗi mùa lúa là 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn thiếu. Vì vậy, kháng cáo của các bị đơn ông K và bà G về việc xin trả chậm thành nhiều lần không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với kháng cáo xin không tính án phí: Do các bị đơn không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn ông K và bà G về việc xin không phải chịu tiền án phí, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông K và bà G không có căn cứ pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị đơn ông K và bà G không được chấp nhận, nên bị đơn ông K và bà G phải chịu án phí theo qui định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Văn Phước K và Huỳnh Thị G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc yêu cầu ông Văn Phước K (Văn Phước K) và bà Huỳnh Thị G trả số tiền mua bán thức ăn gia súc.

Buộc ông Văn Phước K (Văn Phước K) và bà Huỳnh Thị G trả cho ông Phạm Văn V số tiền tổng cộng 41.086.000đ (*Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 35.990.000đồng và tiền lãi suất là 5.078.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông V yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông K, bà G còn phải trả lãi cho ông V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Văn Phước K (Văn Phước K) và bà Huỳnh Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.053.400 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*).

Ông Phạm Văn V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.078.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi tám đồng*) theo biên lai thu số 0006885 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Văn Phước K và bà Huỳnh Thị G mỗi người phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm. Được

khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các bị đơn đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007660 (ông K) và số 0007661 (bà G) cùng ngày 18/02/2021 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Các bị đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã N;
- TAND thị xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung

